TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2019/DS-PT
Ngày: 22 - 5 - 2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Trần Văn Mười

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 670/2019/QĐ - PT ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Minh L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Phương B, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*:

1/ Ông Kim Q, sinh năm 1959 (có mặt).

2/ Bà Sơn Thị H, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Kim Q, bà Sơn Thị H: Luật sư Lê Minh T – thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Kim Tấn Đ, sinh năm: 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 5233 P, D, O, USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là Luật sư Đào Xuân T1; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư T, số 703, quốc lộ X, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2/ Ông Kim Thanh Q1, sinh năm: 1989 (có mặt).

3/ Bà Kim Thị Thanh H1, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Q1, bà H1: Luật sư Lê Minh T – thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Phan Minh L; bị đơn ông Kim Q và bà Sơn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-01-2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06-02-2013 và các lời khai của nguyên đơn ông Phan Minh L và người đại diện uỷ quyền ông Hồ Phương B, trình bày:

Ông L và ông Q là cậu cháu với nhau (ông Q là anh ruột của mẹ ông L), trong khoảng thời gian từ năm 1997, ông Kim Tấn Đ là em ruột của ông Q và là cậu của ông L ở Mỹ có gửi tiền tặng cho ông L rất nhiều lần (tổng số lần, số tiền cụ thể ông L không nhớ) để ông L mua đất rẫy tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

- Năm 1997 ông L trực tiếp mua của ông Nguyễn Văn C diện tích khoảng 01 ha đất lâm phần, (hiện nay thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 43) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, hai bên có lập giấy biên nhận đề ngày 20-5-1997, giá chuyển nhượng là 2.000.000 đồng.

- Năm 2002 (không nhớ cụ thể) ông L dùng số tiền của ông Đ gửi về cho, đưa tiền nhờ ông Kim Q đứng ra mua của ông Kim D diện tích 4.757,1m^2 đất lâm phần (hiện nay thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 43) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, giá chuyển nhượng ông L không nhớ vì việc mua bán ông L nhờ ông Kim Q đứng ra giao dịch và đứng tên chuyển nhượng giúp, ông L chỉ nhớ ông L đưa cho ông Kim Q 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để ông Q giao dịch với Ông D.

- Khoảng cuối năm 2002 ông L dùng số tiền của ông Đ gửi về cho, ông L đưa tiền nhờ ông Kim Q đứng ra mua của ông Kim Văn T2 diện tích 13.008,2 m^2 đất lâm phần (hiện nay thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 43) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện

B, tỉnh Bình Phước giá chuyển nhượng ông L không nhớ vì việc mua bán ông L nhờ ông Kim Q đứng ra giao dịch và đứng tên chuyển nhượng giúp.

- Năm 2003 ông L dùng số tiền của ông Đ gửi về cho, đưa tiền nhờ cậu là ông Kim Q đứng ra mua của bà Kim B diện tích khoảng 4.000m^2 lâm phần (hiện nay thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 43) với giá khoảng 8.000.000 đồng, có lập giấy hay không thì ông L không nhớ vì việc mua bán ông L nhờ ông Kim Q đứng ra giao dịch và đứng tên chuyển nhượng giúp.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng các diện tích đất nêu trên đều là đất lâm phần, rừng nghèo kiệt nên sau khi nhận chuyển nhượng ông L đã thuê người khai hoang, cày ải, do cậu cháu với nhau nên sau khi khai hoang ông L đã cho vợ chồng ông Q và bà H mượn đất để trồng cây ngắn ngày. Đến năm 2007 ông L lấy lại và nhờ ông Q quản lý, thuê người, chấm công, trả công cho người làm thuê, trong đó ông L có trả công cho vợ chồng ông Q, bà H 20.000.000 đồng, việc này có bảng chấm công do tự tay ông Q viết và ông Q cũng thừa nhận tại buổi hoà giải của Uỷ ban nhân dân (UBND) xã T.

Đối với thửa đất số 63 đến năm 2011 ông L mới trồng 200 nọc tiêu nhưng do có tranh chấp nên bỏ không chăm sóc được nên tiêu đã chết hết. Trong thời gian đang có tranh chấp vợ chồng ông Q đã trồng lại toàn bộ bằng cây tiêu.

Năm 2009, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L phát hiện ông Q, bà H đã tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nên mới phát sinh tranh chấp. Ngày 15-11-2011, ông Q, bà H có viết giấy bàn giao đất với nội dung xác nhận ông Q, bà H có mượn của ông và ông Kim Tấn Đ 35.000m^2 đất tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước và trả lại cho ông và ông Đ diện tích đất khoảng 25.000m^2, diện tích còn lại khoảng 10.000m^2 để lại cho gia đình ông Q sử dụng. Nhưng sau khi thoả thuận, ông Q, bà H không chịu trả 25.000m^2 đất nêu trên cho ông L sử dụng mà đòi lấy cả, nên ông khiếu nại ra UBND xã T, huyện B thì được UBND xã T hòa giải vào ngày 14-6-2012 và ngày 20-6-2012 tại các buổi hòa giải này ông Q đều thừa nhận có mượn đất của ông L nhưng ông Q không chịu trả lại.

Nay, ông L khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Q, bà H phải trả lại cho ông L toàn bộ diện tích 34.391,6m^2 đất tại các thửa đất số 48, 56, 63 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước và cây cao su trên các thửa đất nêu trên.

Đối với cây tiêu do ông Q trồng trong thời gian tranh chấp ông L yêu cầu vợ chồng ông Q di dời hoặc phá bỏ. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông Kim Q, bà Sơn Thị H thống nhất trình bày:

Ông Q là anh ruột của ông Kim Tấn Đ và là anh của mẹ ông L, ông L gọi ông Q bằng cậu. Tháng 4-1999, em ruột ông Q là ông Kim Tấn B1 cho ông 01 ha đất (hiện nay thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 43) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Năm 2000 vợ chồng ông Q trồng cây ngắn ngày, đến năm 2004 trồng

cây điều, năm 2007 tiến hành trồng xen canh cây cao su, năm 2008 thì tiến hành chặt cây điều trồng cây cao su và tiến hành chăm sóc cao su từ đó đến nay.

Tháng 6-1999, ông Q nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn M diện tích đất 3.000m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, khi sang nhượng có lập giấy tờ tay nhưng đã bị thất lạc, giá sang nhượng 1.100.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Q đã trồng 800 nọc tiêu, hiện nay chỉ còn lại 300 nọc tiêu.

Đến năm 2001, ông Q tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Võ Việt T3 khoảng 01 ha đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước với giá 7.000.000 đồng, việc mua bán có giấy tay nhưng đã làm mất. Đến năm 2004 trồng cây điều và năm 2007 trồng xen cây cao su, sau đó chặt bỏ cây điều để lại cây cao su.

Đến tháng 3-2002, ông Q mua tiếp của ông Kim D diện tích đất 5.000m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, việc mua bán có giấy tay với giá là 3.500.000 đồng, sau đó vợ chồng ông Q trồng cây ngắn ngày, đến năm 2011 trồng 200 nọc tiêu. Ngày 14-4-2003, ông Q nhận chuyển nhượng đất của ông Kim Văn T2 với diện tích là 12.000m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, việc mua bán có giấy tay với giá 9.000.000 đồng, năm 2004 vợ chồng ông Q trồng cây điều và năm 2007 trồng cây cao su. Đối với Giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011, ông Q thừa nhận là do ông Q trực tiếp viết và cùng bà H ký vào, nhưng ông Q viết giấy này là vì em trai ông Q là ông Kim Tấn Đ ở Hoa Kỳ về nước nhậu nhẹt, say xỉn quậy phá nên ông Q viết giấy cho ông Đ yên tâm. Ông Q và bà H cho rằng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước mà ông L đang khởi kiện là do vợ chồng ông Q, bà H nhận chuyển nhượng và canh tác, tiền nhận chuyển nhượng và canh tác trên đất là của gia đình ông không liên quan đến ông Kim Tấn Đ và ông Phan Minh L, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Thanh Q1, bà Kim Thị Thanh H1 trình bày: Ông Q1 và bà H1 là con ruột của ông Q và bà H. Diện tích đất tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước hiện nay ông L đang khởi kiện là do cha mẹ của ông Q1 và bà H1 nhận chuyển nhượng của người khác, sau đó ông Q1 và bà H1 cùng cha mẹ canh tác trồng cây trên đất và quản lý sử dụng đến nay. Ông Q1 và bà H1 thống nhất với lời trình bày của cha mẹ là ông Kim Q, bà Sơn Thị H đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh L.

- *Ông Kim Tấn Đ trình bày*: Ông Đ là em ruột của ông Kim Q và là cậu ruột của ông Phan Minh L. Hiện nay ông đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2007 do ông L kinh tế khó khăn nên ông Đ đã nhiều lần gửi tiền từ Hoa Kỳ về tặng cho ông L để ông L mua đất rẫy cải thiện kinh tế gia đình. Ông Đ gửi tiền về cho ông L rất nhiều lần nhưng không nhớ là mấy lần, mỗi lần bao nhiêu, việc ông gửi tiền về cho, ông L đã sử dụng mua khoảng hơn 03 ha đất tại huyện B, tỉnh Bình Phước để làm ăn. Vì không về được Việt Nam nên toàn bộ việc mua bán, khai phá, thuê người làm là do ông L và ông Q bàn bạc với nhau. Sau khi ông L mua được đất ông L đã giao cho vợ chồng ông Q trông nom giúp ông L thuê người khai hoang, trồng cây trên đất, trả tiền thuê người làm, mua phân

bón, cây trồng các chi phí này đều do ông Đ gửi tiền về cho ông L đầu tư. Do ông Đ là người gửi tiền về cho ông L nên toàn bộ quá trình mua bán, thuê người làm thì ông L và ông Q đều thông báo cho ông Đ biết. Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông L và ông Q, bà H thực tế là của ông L, việc ông Q, bà H không trả đất cho ông L thì ông Đ có biết và tiến hành hoà giải, ngày 15-11-2011 ông Q có viết giấy bàn giao đất với nội dung xác định ông Q, bà H có mượn của ông Đ và ông L diện tích đất 35.000m^2 và trả lại cho ông Đ và ông L 25.000m^2, còn lại 10.000m^2 ông Q, bà H được quyền quản lý sử dụng. Việc trong giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011 ông Q có ghi nội dung trả lại đất cho ông Đ là do ông Q, bà H nghĩ ông Đ gửi tiền về cho ông L mua đất giùm nên viết như vậy, nhưng thực tế ông Đ chỉ gửi tiền về cho ông L mua đất.

Ông Đ đề nghị Toà án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc vợ chồng ông Q, bà H trả lại đất và tài sản trên đất cho ông L. Ngoài ra ông Đ không có yêu cầu gì.

Người làm chứng:

Bà Kim D1 trình bày (Bút lục 89): Bà D1 là chị ruột của các ông Kim Q và ông Kim Tấn Đ, còn ông Phan Minh L là cháu gọi Bà D1 là dì ruột. Bà là người trực tiếp đứng ra hòa giải tranh chấp đất giữa ông Q, ông Đ và ông L, ngày 15-11-2011 ông Kim Q cùng vợ là bà Sơn Thị H đã xác nhận có mượn 35.000m^2 đất tọa lạc tại ấp Tân Phước, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước của ông Kim Tấn Đ và ông Minh Long và tại buổi hòa giải ông Q, bà H đồng ý trả lại cho ông Đ và ông L 25.000m^2 đất, còn lại 10.000m^2 đất thuộc quyền sử dụng của ông Kim Q. Ông Kim Q là người tự tay viết giấy bàn giao đất cho ông Đ, ông L có Bà D1 ký tên làm chứng.

Ông Kim D trình bày (Bút lục 84): Ông D không có quan hệ họ hàng và không mâu thuẫn gì với ông Q, bà H, Ông D chỉ là người cùng quê ở miền tây đi lên tỉnh Bình Phước lập nghiệp, ở gần nhau nên quen biết, còn ông L thì Ông D không quen biết gì. Ông thừa nhận vào năm 2002 ông có sang nhượng cho ông Kim Q khoảng 05 sào đất tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước với giá 3.500.000 đồng, việc mua bán hai bên chỉ lập giấy tay, khi sang nhượng đất thì trên đất chỉ có cây ngắn ngày (bắp, đậu) và một số cây rừng còn lại. Còn việc ông Kim Q mua cho ai thì ông không biết.

Ông Nguyễn Văn C trình bày (Bút lục 92): Năm 1997 ông C có sang nhượng cho ông Phan Minh L diện tích đất khoảng 1,5 ha nay thuộc thửa đất số 56 với giá 2.000.000 đồng, hai bên có lập giấy tay, sau khi nhận sang nhượng đất thì ông L cho ông Kim Q là cậu ông L mượn đất để trồng bắp, đậu. Ngoài ra, ông không biết gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án

phí, lệ phí Tòa án năm 2009; áp dụng các Điều 255, Điều 256, Điều 283, Điều 289 Bộ luật dân sự năm 2005; áp dụng Điều 136 Luật đất đai 2003.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

[1] Buộc ông Kim Q, bà Sơn Thị H và ông Kim Thanh Q1, bà Kim Thị Thanh H1 có nghĩa vụ phải giao trả cho ông Phan Minh L các tài sản sau:

- Diện tích đất 16.626,2m^2 (trong đó 1447.1m^2 đất bưng chưa sử dụng) thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: Phía đông - bắc giáp đất ông Phan Minh L, ông Nông Văn K, phía tây - nam giáp đất ông Võ Việt T4; phía đông - nam giáp suối; phía tây - bắc giáp đất bà Mông Thị L2, ông Nông Văn M1.

Tài sản trên đất gồm có: 550 cây cao su trồng năm 2007, 200 cây cao su trồng năm 2009, 350 nọc tiêu trồng năm 2015, 260 cây tầm vông, 02 cây xà cừ, 50m ống tưới nước phi 60, 01 mô tơ điện.

- Diện tích đất 4757.1m^2 thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 43, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước đất có tứ cận: Phía bắc giáp suối, phía nam giáp đường đất, phía đông giáp đất ông Nguyễn Đình T5, phía tây giáp đất bà Nguyễn Thị T6.

Tài sản trên đất gồm có: 300 nọc tiêu trồng năm 2014, 600 nọc tiêu trồng năm 2015 và 100m ống tưới nước phi 60.

[2] Ông Kim Q, bà Sơn Thị H và ông Kim Thanh Q1, bà Kim Thị Thanh H1 có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 13.008,2m^2 (trong đó có 2022.0m^2 đất bưng chưa sử dụng) thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 43, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước đất có tứ cận: Phía bắc giáp đất ông Nông Văn S; phía nam giáp suối, giáp thửa đất số 56; phía đông giáp suối, giáp đất ông Nông Văn S; phía tây giáp đất ông Phan Minh L, giáp thửa đất số 56.

Tài sản trên đất gồm có: 430 cây cao su trồng năm 2007, 200 cây tầm vông, 25 cây xà cừ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với diện tích thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nêu trên (theo Bản đồ địa chính ngày 27-6-2013 của Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài nguyên và môi trường M2 kèm theo bản án này). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn còn quyền kháng cáo, nguyên đơn ông Phan Minh L và bị đơn ông Kim Q, bà Sơn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu

cầu kháng cáo và trình bày đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tòa phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại 10.000m^2 đất do ông L đã mua. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của các bên có kháng cáo nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Nay không nộp bổ sung thêm chứng cứ gì mới, nhưng các ông bà cho rằng Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ một cách không đúng nên dẫn đến việc phán quyết sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn.

Phần tranh luận ông Phan Minh L do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà H phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ diện tích 34.391.6m^2 đất tại các thửa đất số 48, 56, 63 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Không chấp nhận việc chia đôi theo án sơ thẩm vì ông Q, bà H là người làm công đã được nhận lương và thu huê lợi nên không có quyền yêu cầu chia đất.

Các chứng cứ chứng minh gồm:

- Thứ nhất, giấy bàn giao đất viết tay ngày 15-11-2011 do ông Q viết, việc ông Q, bà H phủ nhận nội dung của giấy tay này là không có cơ sở.

- Thứ hai, tại UBND xã T thì ông Q, bà H đã hai lần thừa nhận đã giao đất cho ông L; dù ông Q cho rằng là trả đất cho ông Đ hay ông L thì đều chứng minh một điều rằng ông Q không phải chủ sở hữu đất.

- Thứ ba, về quá trình sử dụng đất, ông L đã đầu tư 20.000.000 đồng tiền cây giống và tìm được các bảng chấm công vào năm 2003. Các bảng chấm công này do ông Q lập và xưng hô cậu – cháu. Điều này chứng minh chủ sở hữu là ông L, còn ông Q, bà H là người làm công được chấm công.

- Thứ tư, về nguồn tiền mua đất, trong bức thư ông Đ gửi ông Q ghi nhận ông Đ không đồng ý cho tiền ông Q để mở rộng đất.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Kim Q, bà Sơn Thị H do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày tranh luận:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo của nguyên đơn. Tại Tờ tường trình ngày 10-02-2012, ông Đ ủy quyền cho ông L về mặt pháp lý chỉ với diện tích 25.000m^2 nhưng ông L lại khởi kiện đòi 34.391,6m^2, như vậy việc khởi kiện này của ông L từ đầu đã không hợp pháp. Bên cạnh đó, các căn cứ đòi đất của ông L cũng không phù hợp, cụ thể là giấy bàn giao đất viết tay ngày 15-11-2011 do ông Q viết không đúng sự thật. Thời điểm lập văn bản, ông Đ về nước nhậu nhẹt, say xỉn dẫn đến xích mích với vợ, do đó ông Q làm giấy này để ông Đ mang về chứng minh với vợ là ông đem tiền đi đầu tư, khi viết giấy chỉ có ông Q ký chứ không có chữ ký của những người khác.

Đồng thời, ông Q, bà H kháng cáo chỉ chấp nhận giao cho ông L 10.000m^2 là diện tích đất đầu tiên ông L mua của ông Kim Tấn B1 nhưng ông L không sử dụng, ông L cho ông Q sử dụng từ năm 1999, nay ông L khởi kiện thì ông Q chấp nhận giao lại cho ông L. Do Nhà nước thu hồi làm thủy điện nên diện tích đất này chỉ còn 500m^2, ông Q đồng ý giao lại 500m^2 cho ông L. Còn các phần đất khác thì bị đơn không đồng ý theo án sơ thẩm.

Về thư xin tiền ông Đ để mua đất, do ông Đ từ chối cho tiền nên ông Q tự mua, bản án sơ thẩm chỉ giao cho bị đơn thửa 48 còn thửa 56, 63 (cùng tờ bản đồ số 43, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước) tòa sơ thẩm không xem xét công sức cho ông Q là chưa phù hợp.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Minh L, giao thửa 63 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước cho ông Q xem như tiền thành quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Thanh Q1 (con của bị đơn) trình bày: Ông Q1 đồng ý với lời trình bày của luật sư. Đồng thời ông Q1 không đồng ý lời trình bày về bảng chấm công của nguyên đơn. Thực tế ông Q, bà H làm thuê cho ông L vào năm 2007 nhưng ông L lại dùng bảng chấm công của năm 2003 để làm bằng chứng là sai sự thật. Hơn nữa, thời điểm gia đình ông lên lập nghiệp vào năm 1999 mà nguyên đơn lại khai là năm 2003, sự chênh lệch về thời gian gây bất lợi cho bị đơn và không thuyết phục về mặt chứng cứ. Do đó ông Q1 đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Minh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Phan Minh L cho rằng diện tích đất đang tranh chấp 34.391,6m^2 thuộc thửa đất số 48, 56, 63 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông. Nguồn gốc đất có một phần do ông L trực tiếp nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn C vào năm 1997 và phần còn lại do ông đưa tiền nhờ ông Q là

cậu ruột của ông đứng ra nhận chuyển nhượng của bà Kim B, ông Kim Văn T2 và ông Kim D. Sau đó ông L cho ông Q mượn trồng cây ngắn ngày để cải thiện kinh tế gia đình, đến năm 2007 ông L lấy lại rồi đưa tiền cho ông Q để nhờ ông Q thuê người trồng cây cao su, chăm sóc, tiền phân bón, thuốc xịt cỏ đều là của ông L và ông L trả tiền công cho ông Q, bà H. Năm 2009, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L phát hiện ông Q, bà H đã tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên mới phát sinh tranh chấp. Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc gia đình ông Kim Q trả lại toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông L là giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011 do vợ chồng ông Q, bà H viết với nội dung xác nhận có mượn đất của ông L và ông Kim Tấn Đ diện tích là 35.000m^2 tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng ông Q đồng ý trả lại cho ông L và ông Đ diện tích đất khoảng 25.000m^2, diện tích còn lại khoảng 10.000m^2 để lại cho gia đình ông Q sử dụng. Nhưng sau khi thoả thuận, ông Q, bà H không chịu trả 25.000m^2 đất nêu trên cho ông L sử dụng (ông Đ đã trình bày nêu trên thực chất 25.000m^2 đất theo cam kết của ông Q trả cho ông Đ là của ông L). Ông L khiếu nại ra UBND xã T, huyện B thì được UBND xã T hòa giải vào ngày 14-6-2012 và ngày 20-6-2012. Tại các buổi hòa giải này ông Q đều thừa nhận có mượn đất của ông L nhưng ông Q không chịu trả lại.

Phía bị đơn ông Kim Q, bà Sơn Thị H cho rằng diện tích đất đang tranh chấp 34.391,6m^2 thuộc thửa đất số 48, 56, 63 là của vợ chồng ông, bà. Nguồn gốc đất một phần do ông Kim Tấn B1 là em ruột của ông Q cho 01 hecta đất ở xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, gia đình ông đến sinh sống và tự bỏ tiền ra để nhận chuyển nhượng thêm của ông Trương Văn M, ông Võ Việt T3, ông Kim D và ông Kim Văn T2. Việc ông Q, bà H ký giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011 cho ông Kim Tấn Đ, ông Phan Minh L là vì ông Đ là em ruột của ông ở Hoa Kỳ về nước nhậu nhẹt, say xỉn ảnh hưởng đến sức khoẻ và bị bà Kim D1 lừa nên ông, bà mới viết giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011 để ông Đ yên tâm và làm cho vợ chồng ông Đ không mâu thuẫn.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đánh giá các chứng cứ:

- Căn cứ giấy tay sang nhượng đất đề ngày 20-5-1997 và lời trình bày của ông Nguyễn Văn C là chủ đất cũ trình bày: Ông C đã chuyển nhượng cho ông L thửa đất có diện tích khoảng 1 hecta vào ngày 20-5-1997.

- Căn cứ vào giấy bàn giao đất đề ngày 15-11-2011 ông Kim Q, bà Sơn Thị H thể hiện trả lại đất cho ông Kim Tấn Đ và ông Phan Minh L diện tích khoảng 25.000m^2 toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước).

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà H cũng thừa nhận Giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011 nêu trên là do ông Kim Q viết và chữ ký trong giấy đúng là của ông Q, bà H (bút lục số 56); các tài liệu, chứng cứ là các giấy tờ ghi chép các chi phí cây trồng trên đất, tiền công chăm sóc, thuê nhân công, phân bón, thuốc, dầu… ông Q thừa nhận những chứng cứ này là do ông Q viết; tại Biên bản hoà giải

ngày 20-6-2012 của UBND xã T, thể hiện ông Q cũng thừa nhận năm 2007 ông L có đầu tư 20.000.000 đồng để trồng cây trên diện tích đất đang tranh chấp.

- Hơn nữa, lời trình bày của ông Kim Tấn Đ là em ruột của ông Q xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2007, ông Đ có gửi tiền về cho ông L để mua đất, trồng cây để cải thiện kinh tế gia đình và khi ông L mua đất có giao cho vợ chồng ông Q, bà H đứng ra quản lý và canh tác; Bà Kim D1 là chị ruột của ông Kim Q và ông Đ xác nhận: Ngày 15-11-2011 Bà D1 chính là người đứng ra để hòa giải tranh chấp đất giữa các ông Q, ông Đ và ông L, Bà D1 có ký vào giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011 do ông Kim Q cùng vợ là bà Sơn Thị H ký với nội dung đồng ý trả lại 25.000m^2 đất tọa lạc tại ấp Tân Phước, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước cho ông Kim Tấn Đ và ông Phan Minh L, còn lại 10.000m^2 cho ông Q, bà H được sử dụng.

Trên cơ sở nhận định các chứng cứ nêu trên Tòa án sơ thẩm xác định thực tế diện tích đất đang tranh chấp 34.391,6m^2 thuộc thửa đất số 48, 56, 63 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước có nguồn gốc một phần ông L trực tiếp đứng ra nhận chuyển nhượng của ông C diện tích khoảng 10.000m^2, các phần còn lại ông L nhờ ông Q đứng ra nhận chuyển nhượng của ông Kim D diện tích 4.757,1m^2, ông Kim Văn T2 diện tích 13.008,2m^2, bà Kim B diện tích khoảng 4.000m^2.

[4] Tòa án sơ thẩm nhận định phán xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh L về việc buộc các đồng bị đơn là ông Kim Q và bà Sơn Thị H phải trả lại diện tích đất nêu trên như sau:

- Xét nguồn gốc các tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông L cho rằng khi giao đất cho ông Q, bà H thì trên đất chưa canh tác mà chỉ là đất lâm phần, sau đó ông L có đưa tiền cho ông Q, bà H thuê người, máy móc để cày ải, cải tạo đất và cho ông Q, bà H trồng cây ngắn ngày như mì, bắp, rau, củ để cải thiện cuộc sống gia đình và giữ đất cho ông L, đến năm 2007 ông L có đưa tiền cho ông Q, bà H đứng ra thuê người, quản lý, mua cây giống, trồng và chăm sóc cây cao su trên hai diện tích 13.008,2m^2 thuộc thửa số 48 và diện tích 16.656,5m^2 thuộc thửa đất số 56, còn diện tích đất tích 4.757,1m^2 thuộc thửa số 63 thì năm 2011 ông L trồng 200 nọc tiêu nhưng do có tranh chấp nên không chăm sóc được, hiện nay tiêu đã chết không còn giá trị là có căn cứ. Bởi lẽ, tại Biên bản hoà giải ngày 20-6-2012 của UBND xã T (bút lục 07) ông Q thừa nhận ông L có đầu tư 20.000.000 đồng để mua cây giống, điều này phù hợp với các chứng cứ do ông L cung cấp thể hiện việc ông Q có nhận tiền công trồng, chăm sóc, phân bón, thuốc xịt cỏ của ông L từ năm 2003 (Bút lục 48, 49), ông Q thừa nhận những chứng cứ nêu trên là do ông viết. Vì vậy, có cơ sở để xác định số cây cao su và căn nhà tạm bằng gỗ trên diện tích đất đang tranh chấp 34.391,6m^2 thuộc thửa đất số 48, 56, 63 là của ông Phan Minh L.

- Tuy nhiên, theo Biên bản định giá tài sản ngày 24-4-2017 và Biên bản thỏa thuận giá ngày 08-5-2018 thì 300 nọc tiêu trồng năm 2014 có giá 42.000.000 đồng, 600 nọc tiêu trồng năm 2015 có giá 66.000.000 đồng, 350 nọc tiêu trồng năm 2015

có giá 38.500.000 đồng, 100m ống nhựa phi 60 có giá 3.000.000 đồng, 200 cây tầm vông có giá 800.000 đồng, 25 cây xà cừ giá 4.500.000 đồng, 260 cây tầm vông có giá 1.040.000 đồng, 02 cây xà cừ có giá 400.000 đồng, 50m ống tưới giá 1.500.000 đồng, 01 mô tơ điện 1.700.000 đồng, tổng số tiền 159.440.000 đồng là tài sản của gia đình ông Q, bà H cùng tạo lập trong thời gian Tòa án đang thụ lý để giải quyết, thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Q, bà H. Lẽ ra, cần buộc vợ chồng ông Q, bà H phải trả lại đất cho ông L, còn ông L phải hoàn trả lại trị giá số nọc tiêu, giá trị cây xà cừ, giá trị cây tầm vông, ống tưới và mô tơ điện nêu trên cho ông Q, bà H nhưng do ông Q, bà H và ông Q1, bà H1 là các con của ông Q, bà H đã có công sức quản lý đất, cải tạo đất từ năm 1999 đến nay làm tăng giá trị đất và các tài sản trên đất, hơn nữa tại Giấy bàn giao đất ngày 15-11-2011 thể hiện ông L cũng thỏa thuận để lại cho ông Q, bà H 10.000m^2 trong tổng diện tích 35.000m^2, nên cần tính công sức trong việc quản lý đất, cải tạo làm tăng giá trị đất và tài sản trên đất nên cần giao cho gia đình ông Q, bà H diện tích đất 13.008,3m^2 thuộc thửa số 48 và các tài sản trên đất gồm 430 cây cao su, 200 cây tầm vông, 25 cây xà cừ là phù hợp.

- Từ nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh L buộc ông Kim Q, bà Sơn Thị H và các con ông Kim Thanh Q1, bà Kim Thị Thanh H1 là những người đang trực tiếp quản lý đất và tài sản trên đất phải trả lại cho ông Phan Minh L diện tích 16.626,2m^2 đất thuộc thửa số 56 và các tài sản trên đất gồm 550 cây cao su trồng năm 2007, 200 cây cao su trồng năm 2009, 350 nọc tiêu trồng năm 2015, 260 cây tầm vông, 02 cây xà cừ và diện tích 4.757,1m^2 đất thuộc thửa số 63 và các tài sản trên đất gồm 300 nọc tiêu 3 năm tuổi, 600 nọc tiêu 2 năm tuổi.

Ngoài ra Tòa án sơ thẩm còn nhận định: Tại Công văn số 976/UBND-NC ngày 10-4-2014 của UBND tỉnh Bình Phước (bút lục 121): Xác định diện tích đất đang tranh chấp trước đây là đất lâm phần do Ban quản lý rừng sản xuất B quản lý, đến năm 2009 đã quy hoạch thành đất nông nghiệp giao về địa phương quản lý theo Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 21-10-2009 của UBND tỉnh Bình Phước, hiện nay đất này thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó ông L, ông Q và bà H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng đối với căn nhà tạm bằng gỗ trên thửa đất số 56 tờ bản đồ số 43 tại Biên bản thỏa thuận về giá ngày 08-5-2018 và tại phiên tòa ông Kim Q khẳng định do căn nhà mục nát, hư hỏng nên dỡ bỏ và các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định: Việc nhận định để phán xử phần tranh chấp đất và các tài sản gắn liền trên đất cũng như việc tính công sức quản lý cải tạo làm tăng giá trị đất tài sản trên đất, từ đó đưa ra phán quyết như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên có kháng cáo cũng không đưa ra được chứng cứ mới so với cấp sơ thẩm để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận nội dung đơn kháng cáo, giữ nguyên bản

án sơ thẩm như ý kiến của vị Kiểm sát viên, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

Nguyên đơn ông Phan Minh L, ông Kim Q bà Sơn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

I. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Phan Minh L, ông Kim Q và bà Sơn Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; áp dụng các Điều 255, Điều 256, Điều 283, Điều 289 Bộ luật dân sự năm 2005; áp dụng Điều 136 Luật đất đai 2003.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Buộc ông Kim Q, bà Sơn Thị H và ông Kim Thanh Q1, bà Kim Thị Thanh H1 có nghĩa vụ phải giao trả cho ông Phan Minh L các tài sản sau:

- Diện tích đất 16.626,2m^2 (trong đó 1.447,1m^2 đất bưng chưa sử dụng) thuộc thửa đất số 56 tờ bản đồ số 43 toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: Phía đông - bắc giáp đất ông Phan Minh L, ông Nông Văn K, phía tây - nam giáp đất ông Võ Việt T4; phía đông - nam giáp suối; phía tây - bắc giáp đất bà Mông Thị L2, ông Nông Văn M1.

Tài sản trên đất gồm có: 550 cây cao su trồng năm 2007, 200 cây cao su trồng năm 2009, 350 nọc tiêu trồng 2015, 260 cây tầm vông, 02 cây xà cừ, 50m ống tưới nước phi 60, 01 mô tơ điện.

- Diện tích đất 4.757,1 m^2 thuộc thửa đất số 63 tờ bản đồ số 43 toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước đất có tứ cận: Phía bắc giáp suối, phía nam giáp đường đất, phía đông giáp đất ông Nguyễn Đình T5, phía tây giáp đất bà Nguyễn Thị T6.

Tài sản trên đất gồm có: 300 nọc tiêu trồng năm 2014, 600 nọc tiêu trồng năm 2015 và 100 m ống tưới nước phi 60.

2. Ông Kim Q, bà Sơn Thị H và ông Kim Thanh Q1, bà Kim Thị Thanh H1 có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 13.008,2 m^2 (trong đó có 2022.0m^2 đất bưng chưa sử dụng) thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 43, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước đất có tứ cận: Phía bắc giáp đất ông Nông Văn S; phía nam

giáp suối, giáp thửa đất số 56; phía đông giáp suối, giáp đất ông Nông Văn S; phía tây giáp đất ông Phan Minh L, giáp thửa đất số 56.

Tài sản trên đất gồm có: 430 cây cao su trồng năm 2007, 200 cây tầm vông, 25 cây xà cừ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với diện tích thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nêu trên (theo Bản đồ địa chính ngày 27-6-2013 của Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 Công ty TNHH một thành viên tài nguyên và môi trường M2 kèm theo bản án này).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho ông Phan Minh L số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 025075 ngày 18-3-2013 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Ông Kim Q, bà Sơn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các chi phí tố tụng khác: buộc ông Kim Q và bà Sơn Thị H phải hoàn trả lại cho ông Phan Minh L tổng chi phí đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 31.865.000 đồng (ba mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Minh L, ông Kim Q, bà Sơn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào các biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 019044 ngày 28-6-2018, số 019048 ngày 11-7-2018, số 015121 ngày 13-8-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước; các đương sự không phải nộp nữa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình phước (1);
- VKSND tỉnh Bình phước (1);
- Cục THADS tỉnh Bình phước (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ (2),VP(3),16b (LTTT)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên